

VẤN ĐỀ PHÂN TẦNG XÃ HỘI VÀ DI ĐỘNG XÃ HỘI QUA CÁC NGHIÊN CỨU TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

HÀ THỨC DŨNG*

Quá trình toàn cầu hóa đã tạo ra nhiều cơ hội về phát triển kinh tế và giảm nghèo ở các nước đang phát triển, nhưng cũng đem đến những thách thức trong việc gia tăng bất bình đẳng xã hội giữa các nhóm dân cư. Bên cạnh đó, quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa làm cho cơ cấu xã hội, cơ cấu kinh tế có nhiều biến chuyển. Nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước cho thấy sự biến đổi cơ chế kinh tế dẫn đến sự thay đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu xã hội đã làm cho xu hướng phân tầng xã hội ngày càng mạnh mẽ hơn, và ảnh hưởng đến di động xã hội của người lao động.

Từ khóa: cơ cấu xã hội, giai tầng xã hội, phân tầng xã hội, di động xã hội

Nhận bài ngày: 08/9/2021; *đưa vào biên tập:* 12/9/2021; *phản biện:* 13/10/2021; *duyet đăng:* 21/11/2021

1. DẪN NHẬP

Nghiên cứu về phân tầng xã hội và di động xã hội là một chủ đề nghiên cứu lớn của giới khoa học xã hội nói chung và xã hội học nói riêng. Chủ đề này được nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước quan tâm, đã trình bày trên nhiều trang sách, tạp chí trong nhiều thập kỷ qua. Việc nghiên cứu chủ đề này thông qua các kết quả nghiên cứu giúp đưa ra một cái nhìn tổng quan về sự biến đổi xã hội dưới tác động của các yếu tố, có ý nghĩa cả về lý luận lẫn thực tiễn.

2 NỘI DUNG

2.1. Phân tầng xã hội

“Phân tầng xã hội là sự phân chia xã hội thành nhiều giai tầng khác nhau về

của cải, địa vị chính trị, uy tín xã hội cũng như sự khác biệt về trình độ học vấn nghề nghiệp, nhà ở, phong cách sinh hoạt, cách ứng xử” (Bilton, Bonnett, Jones, 1993). Phân tầng xã hội là một chủ đề được nghiên cứu nhiều ở Việt Nam từ sau thời kỳ Đổi mới, thể hiện qua số lượng các cuộc điều tra và bài báo khoa học, như: Điều tra mức sống dân cư thực hiện từ 1992 đến 2018; 4 bộ số liệu về cơ cấu xã hội và phúc lợi xã hội của cư dân Nam Bộ do Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ thực hiện từ 2010 đến 2020.

2.1.1. Phân tầng xã hội trong quá trình toàn cầu hóa

Những nghiên cứu về toàn cầu hóa và bất bình đẳng xã hội cho chúng ta một cách nhìn tổng quát hơn về phân tầng xã hội và bất bình đẳng xã hội trong

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

khu vực và trên thế giới hiện nay. Khi phân tích về toàn cầu hóa và nghèo đói, Jonathan Pincus (2006) cho rằng toàn cầu hóa không phải là nguyên nhân, cũng chẳng phải giải pháp cho vấn đề giảm nghèo mà nó tùy theo tình hình chính trị, chính sách an sinh xã hội của mỗi quốc gia sẽ tạo ra sự tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo của quốc gia đó. Ở một góc nhìn khác Harold R. Kerbo (2012) cho rằng, quá trình toàn cầu hóa có thể làm tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo cho một số quốc gia, nhưng sự tăng trưởng đó không bền vững bởi các nước này chịu sự chi phối quá mức của các công ty, tập đoàn đa quốc gia. Ở các quốc gia nghèo, việc đầu tư từ bên ngoài làm tăng bất bình đẳng về thu nhập, có thể dẫn đến tình trạng người giàu có xu hướng trở nên giàu hơn trong khi người nghèo sẽ nghèo hơn hoặc không có lợi ích gì. Ông cũng đặt câu hỏi là hình thức nào của chủ nghĩa tư bản có thể duy trì sự phát triển kinh tế trong thế kỷ XXI và thúc đẩy sự phát triển kinh tế lan rộng như nhau để giảm đói nghèo?

Như vậy quá trình toàn cầu hóa có thể làm cho việc tăng trưởng kinh tế cao hơn và tỷ lệ người nghèo giảm ở các nước đang phát triển. Điều đó tùy thuộc khá nhiều vào yếu tố kinh tế, văn hóa, chính trị cùng với các chính sách phúc lợi xã hội của mỗi quốc gia để có thể phát triển một cách bền vững, tức là vừa tăng trưởng kinh tế vừa giảm nhanh tỷ lệ hộ nghèo. Song quá trình toàn cầu hóa cũng có thể

làm tăng tỷ lệ bất bình đẳng xã hội, bất bình đẳng thu nhập ở các nước đang phát triển.

2.1.2. Phân tầng xã hội dựa trên sự thay đổi cơ chế kinh tế

Nghiên cứu về phân tầng xã hội trong quá trình biến đổi cơ chế kinh tế không thể không nhắc đến hai quốc gia có đặc điểm kinh tế, chính trị và sự chuyển đổi kinh tế khá tương đồng là Trung Quốc và Việt Nam.

Yanjie Bian (2002) cho rằng, sự phân tầng xã hội của Trung Quốc chuyển đổi từ một hệ thống thứ bậc cứng nhắc dưới thời Mao Trạch Đông sang một hệ thống giai cấp mở trong giai đoạn hậu Mao. Ở Trung Quốc, trước thời kỳ cải cách các yếu tố cấu thành tầng lớp là: (1) khu vực nông thôn - đô thị chia tách về tình trạng cư trú, (2) sự phân biệt giữa loại hình sở hữu kinh tế, thuộc sở hữu tập thể hay sở hữu tư nhân, (3) sự phân biệt giữa cán bộ công nhân viên trong phân loại nghề nghiệp, (4) sự phân chia “cách mạng - phản cách mạng” trong tính chất chính trị. Đến thời hậu Mao, vào năm 1978, việc cải cách bắt đầu ở nông thôn, hộ gia đình trở thành đơn vị sản xuất, phân phối và tiêu thụ cơ bản. Các tài sản từ hợp tác xã được trả về từng gia đình, họ có quyền được canh tác hoặc tự giải phóng khỏi đất đai để làm việc tại địa phương hoặc nơi khác để có thu nhập cao hơn từ một công việc phi nông nghiệp. Nghiên cứu này cũng chỉ ra rằng, những cán bộ trước đây trở thành những ông chủ - “tầng lớp doanh nhân

mới” sau khi công ty nhà nước dần chuyển sang thành công ty cổ phần hoặc doanh nghiệp tư nhân. Tầng lớp trí thức, các chuyên gia, các nhà hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật không được coi trọng. Nhưng đến năm 1979 tầng lớp trí thức được đưa lên thành tầng lớp “tân tiến” trong thời kỳ cải cách, bởi vì tầng lớp này có trình độ học vấn cao, là một tầng lớp chuyên nghiệp có uy tín cao (Davis, 2000; Hoàng Huệ Anh, 2008). Đối với giai tầng yếu thế (những người học vấn thấp, địa vị xã hội - chính trị thấp, nguồn lực kinh tế không có) là một thách thức đáng kể đối với Trung Quốc. Tầng lớp trung lưu chiếm giữ một vị trí quan trọng trong cơ cấu giai tầng xã hội, đó là những lao động trẻ, có trình độ học vấn cao, kỹ năng tay nghề tốt, có phong cách sinh hoạt văn hóa - nghệ thuật và tiêu dùng hoàn toàn khác với những giai tầng khác trong xã hội (Cao Tuyết Ngọc, 2004; Song, Jing, Cavusgil, Li, Luo, 2015).

Việt Nam sau năm 1975 với cơ chế kinh tế tập trung quan liêu bao cấp đã tạo ra một sức ỳ trong sản xuất. Theo Tương Lai (1995), học vấn và nghề nghiệp là hai yếu tố ảnh hưởng lớn đến phân tầng mức sống giữa các nhóm dân cư lúc bấy giờ. Những nhóm dân cư nào có học vấn càng cao, nghề nghiệp ổn định và có chuyên môn kỹ thuật tốt thì mức sống càng cao, còn những người học vấn thấp, trình độ tay nghề hạn chế thì mức sống càng thấp và có xu hướng

rơi vào nhóm nghèo của xã hội. Đến năm 1986 với cơ chế kinh tế mới, hộ gia đình trở về đơn vị kinh tế nòng cốt, đất đai chia lại cho người dân và mỗi gia đình chịu trách nhiệm trong việc sản xuất của mình đã tạo động lực cho việc phát triển kinh tế - xã hội. Từ một cơ chế kinh tế hai thành phần với hai hình thức sở hữu sang cơ chế nhiều thành phần với nhiều hình thức sở hữu, từ một xã hội chủ yếu là giai cấp công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức sang một xã hội gồm nhiều giai tầng khác nhau: công nhân, nông dân, trí thức, doanh nhân và tầng lớp trung lưu... (Lê Hữu Nghĩa, Lê Ngọc Hùng, 2012; Lê Văn Toàn, 2012). Chính điều này đã tạo ra sự phân tầng xã hội có xu hướng mạnh hơn, trong đó thể hiện giữa các nhóm dân cư hay giữa các khu vực kinh tế, giữa nông thôn và đô thị.

Nhóm nghiên cứu Trịnh Duy Luân và Bùi Thế Cường (2001) cho rằng, sau Đổi mới sự phân tầng xã hội của Việt Nam có chiều hướng tăng nhanh, trình độ học vấn, tỷ lệ người ăn theo trong hộ, khu vực kinh tế và địa bàn cư trú đã ảnh hưởng đến phân tầng xã hội, đến phân hóa giàu nghèo giữa các nhóm dân cư. Nguyên nhân phân tầng xã hội do: (1) tập trung đầu tư quá mức vào đô thị và công nghiệp, tác động của việc tập trung đất đai của một số vùng; (2) thị trường hóa các dịch vụ xã hội (đặc biệt sự phát triển các dịch vụ tư nhân trong giáo dục và y tế) đã gây ra tiêu cực, làm tăng sự phân tầng xã hội; (3) học vấn

là yếu tố quan trọng tác động đến phân tầng xã hội; (4) quyền lực, được thể hiện ở cả hai khía cạnh kinh tế và chính trị. Từ đó nhóm tác giả xác định những tác động của việc phân tầng xã hội: sự chênh lệch giàu nghèo tăng nhanh, và những cơ hội phát triển cho người giàu nhiều hơn so với nhóm nghèo và trung bình; trong xã hội sẽ xuất hiện những nhóm dễ bị tổn thương.

Như vậy, sự thay đổi cơ chế kinh tế đã thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, làm cho đời sống người dân được nâng cao. Song cũng làm cho xu hướng phân tầng xã hội ngày càng mạnh mẽ hơn, trong đó những nhóm dân cư nào có điều kiện kinh tế - xã hội tốt thì có nhiều cơ hội để phát triển kinh tế, còn những nhóm dân cư nào học vấn thấp, trình độ tay nghề hạn chế sẽ gặp nhiều khó khăn trong phát triển kinh tế và nâng cao đời sống.

2.1.3. Phân tầng xã hội trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa và hội nhập quốc tế

Khi nghiên cứu về sự phân tầng xã hội trong quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa, Nguyễn Thu Sa (2005) cho rằng ở các khu vực đô thị lớn như TPHCM thì mức tăng trưởng kinh tế có xu hướng tỷ lệ thuận với sự chênh lệch mức sống của các nhóm dân cư. Quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa nhanh ở TPHCM đã làm cho sự chênh lệch mức sống giữa các nhóm dân cư ngày càng cao, trong đó sự phân tầng xã hội chịu tác động của: số

lượng nguồn thu nhập của mỗi hộ gia đình; số tháng làm việc của các thành viên có việc làm trong gia đình; học vấn của những người lao động có việc làm; tỷ lệ người ăn theo trong gia đình. Nhận định này cũng tương đồng với nghiên cứu của Nicholas Minot, Đặng Kim Sơn và đồng nghiệp (2003) về mức chênh lệch thu nhập và chi tiêu của nhóm giàu và nhóm nghèo rất cao ở khu vực đô thị hóa phát triển mạnh như TPHCM, Hà Nội, Đà Nẵng, Hải Phòng. Ngược lại ở những vùng nông thôn, khu vực miền núi thì mức chênh lệch thu nhập giữa nhóm giàu và nhóm nghèo có xu hướng thấp hơn (Minot, Đặng Kim Sơn và đồng nghiệp, 2003).

Chính quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa mạnh ở các quận huyện vùng ven TPHCM đã làm cho cơ cấu kinh tế, cơ cấu dân số và cơ cấu nghề nghiệp biến đổi nhanh chóng. Trong đó, đáng chú ý là giảm nhanh tỷ lệ lao động trong ngành sản xuất nông nghiệp và tăng nhanh tỷ lệ lao động trong công nghiệp, thương mại, dịch vụ (Văn Ngọc Lan, 2007; Đào Quang Bình, 2007; Hà Thúc Dũng, 2014). Theo Văn Ngọc Lan (2007), sự chuyển dịch cơ cấu nghề từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp, dịch vụ - thương mại chịu ảnh hưởng của ba yếu tố chính là tuổi tác, học vấn và kỹ năng tay nghề của người lao động. Những nhóm cư dân nào có điều kiện kinh tế - xã hội (nhà cửa, tài sản) và nguồn lực cá nhân (học vấn, kỹ năng tay nghề, độ tuổi) tốt sẽ gặp nhiều thuận lợi trong

việc tiếp cận các cơ hội mà thị trường mang lại, còn những cá nhân, nhóm dân cư nào không có điều kiện kinh tế - xã hội và nguồn vốn nhân lực thì quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa không những không mang lại cơ hội mà còn đẩy họ rơi vào nhóm có nguy cơ thất nghiệp, làm những công việc giản đơn thu nhập bấp bênh và dễ rơi vào tình trạng nghèo đói.

Trong công trình *Hệ thống phân tầng xã hội Việt Nam hiện nay (qua những cuộc điều tra mức sống hộ gia đình Việt Nam 2002, 2004, 2006 và 2008)* Đỗ Thiên Kính (2012) cho rằng, có sự thay đổi đáng kể trong tháp phân tầng theo nghề qua các mốc thời gian. Trong đó, tầng lớp tiểu thủ công nghiệp tăng dần và tầng lớp nông dân giảm nhanh. Đặc biệt, giữa nông thôn và đô thị có sự khác biệt khá lớn về tháp phân tầng xã hội trên phương diện nghề nghiệp. Ở nông thôn tháp phân tầng vẫn theo hình “kim tự tháp” còn ở đô thị có hình quả trám, cho thấy quá trình chuyển biến xã hội từ xã hội truyền thống sang xã hội công nghiệp và hiện đại.

Một vấn đề quan trọng khác được tác giả khai thác khá kỹ và sâu sắc đó là sự bất bình đẳng xã hội và khoảng cách giàu nghèo ngày càng có xu hướng nới rộng hơn. Nghiên cứu cho thấy, giữa tầng lớp trên (lãnh đạo, doanh nhân, chuyên môn cao và nhân viên) và tầng lớp dưới (lao động giản đơn, nông dân và tiểu thủ công nghiệp) có sự bất bình đẳng khá lớn trong các khoản chi tiêu ngoài ăn uống, trị giá

căn nhà và khả năng tiếp cận internet (Đỗ Thiên Kính, 2012).

Đỗ Thiên Kính chia nghề theo chín nhóm nghề của Tổng cục Thống kê, chưa tách được giữa nhóm lãnh đạo các cấp (cán bộ trung ương, tỉnh, huyện, các bộ ngành) và nhóm lãnh đạo cấp địa phương (phường, xã, các ban ngành đoàn thể), nên khi phân tích các giai tầng trong xã hội ở nhóm bậc trên chưa cho thấy mức độ chênh lệch thứ bậc ở nhóm này. Ngoài ra, Đỗ Thiên Kính chưa có sự phân tách các nhóm nông dân mặc dù trong xã hội Việt Nam hiện nay có nhiều hộ nông dân có diện tích đất canh tác rất lớn, nhiều máy móc sản xuất, cũng như giá trị tài sản của gia đình hoàn toàn khác với những nông dân bình thường. Điều này đã được tác giả Lê Thanh Sang (2011) khai thác khá kỹ và hợp lý khi phân tích về cơ cấu, văn hóa và phúc lợi xã hội của cư dân Tây Nam Bộ.

Lê Thanh Sang chia các cơ cấu xã hội ở Tây Nam Bộ thành ba tầng lớp khác nhau, trong đó tầng trên bao gồm lãnh đạo các cấp chính quyền, chủ doanh nghiệp, chuyên viên kỹ thuật bậc cao và nông dân bậc trên; tầng giữa bao gồm nông dân bậc giữa, chuyên viên kỹ thuật bậc trung, công nhân thợ - thủ công, thương mại - dịch vụ; tầng dưới bao gồm lao động giản đơn, nông dân bậc dưới. Đặc biệt, khi phân tích về cơ cấu xã hội và chuyển dịch cơ cấu xã hội ở Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trong thời kỳ 2010-2015, Bùi Thế Cường (2015) cũng

cho thấy tính hợp lý khi chia nông dân thành ba bậc (nông dân bậc trên, nông dân bậc giữa, nông dân bậc dưới), vì cùng là nông dân nhưng nếu sở hữu diện tích đất sản xuất lớn, các công cụ máy móc đầy đủ, và vận dụng các khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất thì tính chất công việc, thu nhập và vị trí nghề nghiệp của những người nông dân này không khác gì nhiều so với những ông chủ doanh nghiệp.

Ở Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, cơ cấu xã hội có nhiều chuyển biến mạnh mẽ từ nông thôn đến thành thị, giữa các vùng kinh tế và các nhóm dân cư. Điều đó thể hiện xu hướng không chỉ biến đổi nghề nghiệp, phát triển nhà ở, thu nhập và tài sản của gia đình tăng lên, mà khoảng cách chênh lệch giàu - nghèo giữa các vùng miền cũng có xu hướng tăng lên đáng kể trong những năm gần đây (Lê Văn Toàn, 2008). Chênh lệch thu nhập giữa vùng Đông Nam Bộ và vùng Tây Bắc năm 2002 là 2,5 lần đến năm 2004 tăng lên 3,1 lần. Mức chênh lệch thu nhập giữa nhóm cao nhất và nhóm thấp nhất cũng có chiều hướng tăng nhanh, đến năm 2006 mức chênh lệch này là 8,4 lần. Song, nghiên cứu này chỉ dựa trên ba chỉ báo để phân tích về phân tầng xã hội giữa các nhóm dân cư là thu nhập, chi tiêu và nhà ở, nếu so với năm chỉ báo (nhà ở, thu nhập, chi tiêu, tiện nghi sinh hoạt, tự đánh giá theo chủ quan) mà Trịnh Duy Luân (1992) phân tích sự phân tầng xã hội ở Hà Nội thì nghiên cứu của Lê Văn Toàn chưa

sâu, chưa chỉ ra các chính sách cũng như các yếu tố tác động đến phân tầng xã hội giữa các khu vực và các nhóm xã hội khác nhau.

Từ những nghiên cứu trên cho thấy quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa và hội nhập quốc tế đã thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội không đồng đều giữa các khu vực và các nhóm dân. Những khu vực nào có quá trình đô thị hóa phát triển mạnh thì ở đó tốc độ phát triển kinh tế nhanh và cơ cấu xã hội đa dạng hơn, còn những khu vực có quá trình đô thị hóa chậm cơ cấu xã hội thể hiện xã hội ít phát triển, nghề nghiệp của người lao động ít đa dạng. Hơn nữa, những cá nhân nào có điều kiện kinh tế - xã hội (nhà cửa, tài sản) và nguồn vốn nhân lực (học vấn, trình độ tay nghề, độ tuổi...) thì quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa được xem là cơ hội để những cá nhân này nâng cao vị trí nghề nghiệp, tăng thêm thu nhập cho gia đình và bản thân. Những cá nhân với điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, nguồn vốn nhân lực thấp thì quá trình công nghiệp hóa trở thành thách thức trong việc chuyển đổi nghề nghiệp, cải thiện thu nhập cho cá nhân và gia đình.

2.2. Di động xã hội

Theo Allan G. Johnson (1995): “Di động xã hội là sự chuyển động lên hoặc xuống trong một xã hội phân tầng. Di động xã hội có thể giữa các thế hệ (so sánh người nào đó với cha mẹ/ông bà của họ) hoặc bên trong một thế hệ (so sánh vị thế của người nào đó trong suốt cuộc đời họ), mặc

dù kiểu di động đầu ít được các nhà xã hội học quan tâm hơn kiểu di động sau". Di động xã hội là một chủ đề hẹp trong nghiên cứu phân tầng xã hội, nhưng được nhiều nhà xã hội học Việt Nam quan tâm. Các tác giả thường phân tích di động xã hội dựa trên uy tín nghề nghiệp của người lao động, đặc biệt là khi được đo lường bởi sự phân biệt giữa lao động chân tay, trình độ chuyên môn kỹ thuật thấp với lao động trí óc, trình độ chuyên môn kỹ thuật cao (Bùi Thế Cường, 2015; Đỗ Thiên Kính, 2012; Nguyễn Ngọc Toại, 2017).

2.2.1. Ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế - xã hội của gia đình đến di động xã hội

Ở Đan Mạch, nhóm tác giả Stine Mollegaard, Mads Meier Jægera (2015) dựa trên: vốn kinh tế, vốn văn hóa và vốn xã hội của các cá nhân khi phân tích các yếu tố tác động đến di động xã hội liên thế hệ (giữa ông bà - cháu). Theo đó, vốn kinh tế không ảnh hưởng nhiều đến sự dịch chuyển vị thế nghề của những đứa cháu so với ông bà của chúng, nhưng hai yếu tố còn lại là vốn văn hóa (học vấn) và vốn xã hội rất có ý nghĩa trong việc duy trì và phát triển vị thế nghề của những đứa cháu so với ông bà của chúng. Ở một khía cạnh khác, khi phân tích di động liên thế hệ giữa cha/mẹ - con cái theo đoàn hệ (Cohort) ở Vương Quốc Anh, nhóm tác giả Plewis, Ian, Mel Bartley (2014) đánh giá, những người con sinh trong thập niên 1970 chịu ảnh hưởng học vấn

của cha mẹ nhiều hơn nguồn gốc xuất thân. Trong đó, những gia đình nào cha mẹ có học vấn cao thì con cái có được một vị thế xã hội tốt hơn so với những người con có cha mẹ học vấn thấp, có cùng điều kiện kinh tế.

Một nghiên cứu khác về di động liên thế hệ ở Tây Ban Nha cho thấy ngoài các yếu tố kinh tế, văn hóa, xã hội của gia đình thì chính sách phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia có ý nghĩa trong sự phát triển nghề nghiệp của các cá nhân. Theo nhóm tác giả Calos J. Gil - Hernan'dez, Ildefonso marquez - Peralesb, Sandra Fachelli (2017), nhờ chính sách phát triển giáo dục của chính phủ Tây Ban Nha nên những người sinh vào thập niên 1970 có tính di động xã hội khá cao. Trong đó, nam giới có sự di động nhẹ, còn nữ giới tăng cao trong vị thế xã hội của mình, và sự dịch chuyển mạnh này không chịu tác động của nguồn gốc xuất thân.

2.2.2. Chiến lược đầu tư của cha mẹ trong quá trình di động xã hội của con cái

Bên cạnh phân tích các yếu tố kinh tế - xã hội và nguồn gốc xuất thân ảnh hưởng đến di động xã hội của các cá nhân, một số nghiên cứu khác cho thấy các chiến lược đầu tư của cha mẹ ảnh hưởng rất lớn đến sự bất bình đẳng xã hội và di động xã hội giữa các nhóm dân cư. Khi nghiên cứu về di động xã hội và bất bình đẳng xã hội, nhóm tác giả Elise S. Brezis, Joël Hellier (2017) dựa vào sự khác biệt

đầu tư giáo dục cho con cái giữa các giai tầng xã hội để phân tích. Theo nhóm nghiên cứu, bất bình đẳng giáo dục là yếu tố làm cho khả năng dịch chuyển vị thế giữa các tầng lớp trong xã hội ít thay đổi, nhất là ở tầng lớp thượng lưu. Những gia đình thuộc tầng lớp thượng lưu (Elite) thường đầu tư cho con cái học những trường đại học danh tiếng, hoặc gửi con đi du học. Vì vậy, sau khi tốt nghiệp thường làm việc ở những vị trí quan trọng trong các tập đoàn, công ty, cơ quan nhà nước. Điều này thể hiện khá rõ nét trong nghiên cứu của Elise S. Brezis, Joël Hellier (2017) khi so sánh sự khác biệt giữa những sinh viên học hai loại trường đại học. Theo nhóm tác giả, chính đặc trưng của sự phân chia giữa các trường tinh hoa và trường đạt tiêu chuẩn được xem là một yếu tố quan trọng trong việc tạo ra sự phân tầng xã hội lâu dài. Nghiên cứu cũng cho thấy tính di động thấp của tầng lớp thượng lưu là do sự khác biệt về chất lượng giáo dục và chi phí đầu tư của cha mẹ ở các trường đại học tinh hoa cao hơn rất nhiều so với đại học đạt tiêu chuẩn.

Một nghiên cứu khác cho thấy các bậc cha mẹ thuộc tầng lớp trên ở Trung Quốc có chiến lược đầu tư cho con cái sang các nước có nền giáo dục ưu tú như Châu Âu, Mỹ, Úc. Chính điều này đã làm cho tầng lớp thượng lưu ở nước này ít có sự dịch chuyển giữa thế hệ con so với cha mẹ. Sau khi tốt nghiệp những người con này trở về nắm giữ các vị trí quan trọng trong bộ

máy chính quyền ở Trung Quốc. Trong *Khảo sát xã hội học về phân tầng xã hội*, Tương Lai cho rằng, các gia đình có điều kiện kinh tế - xã hội tốt hơn cũng thường quay trở lại đầu tư giáo dục cho con cái và chính những người con này nhờ sự đầu tư tốt của cha mẹ nên có điều kiện hơn trong việc nắm bắt các cơ hội việc làm mà thị trường lao động mang lại (Xiang Biao, Wei Shen, 2009).

Như vậy, đầu tư của cha mẹ không chỉ giúp cho con cái có trình độ học vấn, chuyên môn kỹ thuật tốt mà còn mang lại nhiều cơ hội thăng tiến. Các gia đình thuộc tầng lớp thượng lưu thông qua chiến lược đầu tư giáo dục đã củng cố và phát triển vị thế xã hội cho con cái.

2.2.3. Di động xã hội dựa trên sự nỗ lực của bản thân

Những nghiên cứu ở trên cho thấy vai trò quan trọng của các yếu tố kinh tế - xã hội và gia đình trong sự dịch chuyển vị thế xã hội của các cá nhân. Bên cạnh đó, một số nghiên cứu khác cũng cho thấy yếu tố nỗ lực của mỗi cá nhân đóng vai trò rất quan trọng trong sự dịch chuyển vị thế nghề nghiệp. Điều này thể hiện khá rõ nét khi phân tích cơ cấu xã hội và di động xã hội giữa các tầng lớp ở Việt Nam từ đầu thập niên 2000 đến nay. Các nhóm nghề có sự dịch chuyển tích cực theo hướng giảm dần thuộc tầng dưới và tầng giữa dưới (những nhóm nghề ít đòi hỏi trình độ học vấn, tay nghề) và tăng dần các nhóm nghề

thuộc tầng trên và tầng giữa trên (những nhóm nghề có trình độ học vấn cao, chuyên môn kỹ thuật tốt).

Nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Toại (2017) cho thấy sự di động của các thể hệ con đi lên so với thể hệ cha phần lớn nhờ vào sự nỗ lực của bản thân, và phụ thuộc khá ít vào điều kiện kinh tế - xã hội của gia đình. Theo Đỗ Thiên Kính, sự dịch chuyển của các cá nhân trong cơ cấu xã hội ở Việt Nam giai đoạn 2000-2008 mang tính mở chứ không phải khép kín, điều này thể hiện quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa đang diễn ra mạnh mẽ ở Việt Nam hiện nay.

Một nghiên cứu khác về cơ cấu xã hội và phúc lợi xã hội ở Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của Bùi Thế Cường (2015) cho rằng, các giá trị, chuẩn mực và các nguồn lực của cá nhân đang tác động bên trong sự vận hành cơ cấu xã hội. Trước hết, tài năng và nỗ lực của cá nhân trong học tập và lao động được xem là yếu tố nổi bật. Tiếp đến là yếu tố gia đình và cá nhân trong việc khai thác các nguồn lực về quan hệ, địa vị xã hội và vật chất của các gia đình. Chuẩn mực đạo đức và các giá trị văn hóa cũng được kết nối như một yếu tố dễ cải thiện vị thế xã hội. Cuối cùng là sống có đạo đức được một bộ phận người dân tin rằng có ý nghĩa trong việc thành công trên bậc thang thăng tiến vào cơ cấu xã hội.

3. MỘT SỐ KẾT LUẬN

Qua việc tổng quan và phân tích các nghiên cứu liên quan đến phân tầng

xã hội và di động xã hội trong và ngoài nước, bài viết đưa ra một số kết luận:

Thứ nhất, quá trình toàn cầu hóa có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới, đối với các nước đang phát triển thì toàn cầu hóa giúp đẩy nhanh sự phát triển kinh tế và giảm nghèo. Tuy nhiên, không phải tất cả các nước đều tận dụng được các lợi ích từ quá trình toàn cầu hóa mang lại, mà điều này phụ thuộc vào chính sách kinh tế - chính trị - xã hội của mỗi quốc gia. Nước nào có các chính sách phát triển kinh tế không phù hợp, tình hình chính trị bất ổn và phụ thuộc quá nhiều vào các tập đoàn đa quốc gia thì toàn cầu hóa có thể làm tăng nguy cơ bất bình đẳng giàu nghèo giữa các nhóm dân cư.

Thứ hai, sự biến đổi cơ chế kinh tế ở các nước như Trung Quốc, Việt Nam đã làm thay đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu dân số và cơ cấu nghề nghiệp, xã hội xuất hiện nhiều tầng lớp dân cư mới, đó là tầng lớp doanh nhân trẻ, tầng lớp trung lưu. Việc thay đổi cơ chế kinh tế cũng khiến bất bình đẳng xã hội và khoảng cách giàu nghèo có chiều hướng gia tăng. Những nhóm dân cư nào có các điều kiện kinh tế - xã hội tốt thì thay đổi cơ chế kinh tế mang lại nhiều cơ hội phát triển nghề nghiệp và thu nhập của bản thân và gia đình, còn những nhóm dân cư nào có học vấn thấp, nghề nghiệp không ổn định thì khi thay đổi cơ chế kinh tế có nguy cơ rơi vào nhóm nghèo của xã hội.

Thứ ba, quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa và hội nhập quốc tế làm cho các khu vực có quá trình đô thị hóa cao có nhiều biến đổi hơn về cơ cấu xã hội, cơ cấu nghề nghiệp của người dân cũng đa dạng hơn. Quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa cũng làm cho bất bình đẳng về thu nhập và mức sống của người dân có xu hướng tăng, tuy nhiên sự bất bình đẳng này tăng ở những khu vực mới ở vào giai đoạn đầu của đô thị hóa và công nghiệp hóa, còn những vùng đã hoàn thành quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa thì mức chênh lệch thu nhập giữa nhóm giàu và nhóm nghèo có xu hướng giảm.

Thứ tư, các yếu tố kinh tế - xã hội của gia đình có ảnh hưởng rất lớn đến sự di động xã hội của các cá nhân, trong đó học vấn của cha mẹ và điều kiện kinh tế - xã hội của gia đình tác động đến di động xã hội của con cái. Những gia đình mà cha mẹ có học vấn cao,

kinh tế gia đình khá giả thì con cái cũng sẽ có vị thế giai tầng bậc cao, ngược lại những gia đình cha mẹ học vấn thấp, kinh tế khó khăn thì con cái ít có điều kiện phát triển vị thế xã hội hơn. Đặc biệt, các gia đình thuộc tầng lớp thượng lưu có những chiến lược đầu tư để duy trì vị thế giai cấp cho con cái, trong đó đầu tư cho giáo dục và phát triển nghề được xem là chìa khóa quan trọng.

Cuối cùng, trong quá trình phát triển vị thế của mỗi cá nhân, ngoài yếu tố kinh tế - xã hội của gia đình thì sự nỗ lực của mỗi người đóng vai trò rất quan trọng. Những cá nhân có điều kiện kinh tế - xã hội gia đình tốt cộng với sự nỗ lực của bản thân thì khả năng thăng tiến rất tốt; còn những cá nhân không được cha mẹ đầu tư nhiều, nhưng với sự nỗ lực của bản thân, họ cũng có thể phát triển vị thế của mình. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bian, Yanjie. 2002. "Chinese Social Stratification and Mobility". *Division of Social Science*. Hong Kong University of Science and Technology, Kowloon, Hong Kong. Sociol. 2002. 28:91-116 doi: 10.1146/annurev.soc.28.110601.140823.
2. Bilton, Tonny, Kenvin Bonnett, Philip Jones (1993). *Nhập môn Xã hội học* (Phạm Thủy Ba dịch). Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
3. Blue Book of China's Society. 2007. *Analysis and Forecast on China's Social Development*. Beijing: Social Sciences Academic Press.
4. Brezis, Elise S., Joël Hellier. 2017. "Social Mobility at the Top and the Higher Education System". *European Journal of Political Economy*. April 2017, Forthcoming.
5. Bùi Thế Cường, Vũ Mạnh Lợi. 2016. "Khác biệt đô thị - nông thôn và tiểu vùng trong cơ cấu xã hội dựa trên nghề ở vùng kinh tế trọng điểm phía Nam giai đoạn 1999-2009". In trong kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia *Quan hệ nông thôn - đô thị trong phát triển bền vững vùng Đông Nam Bộ*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

6. Bùi Thế Cường. 2015. *Biến đổi cơ cấu xã hội và phúc lợi xã hội của người dân Nam Bộ* (Báo cáo đề tài nhà nước KX). Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ chủ trì.
7. Cao Tuyết Ngọc. 2004. “Nhìn nhận xã hội học về tầng lớp trung lưu”. *Tạp chí Đại học Công thương Chiết Giang*, số 4.
8. Đào Quang Bình. 2007. *Sự chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp của cư dân ven đô TPHCM*. Luận văn. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TPHCM.
9. Davis DS. 2000. Social Class Transformation in Urban China: Training, Hiring, and Promoting Urban Professionals and Managers after 1949. *Modern China* 26: 251-275.
10. Đỗ Thiên Kính. 2012. *Hệ thống phân tầng xã hội Việt Nam hiện nay (qua những cuộc điều tra mức sống hộ gia đình Việt Nam 2002, 2004, 2006 và 2008)*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
11. Hà Thúc Dũng. 2014. *Phân tầng xã hội trong quá trình đô thị hóa ở TPHCM (nghiên cứu trường hợp phường Cát Lái, quận 2)*. Báo cáo đề tài cấp cơ sở Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.
12. Hoàng Huệ Anh. 2008. “Xu hướng biến đổi giai tầng và tác động của nó đến xã hội Trung Quốc”. *Đại học Nhân dân Trung Hoa. Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, số 9.
13. Johnson Allan G. 1995. *The Blackwell Dictionary of Sociology*. by Blackwell Pub. ISBN 10: 1557861161 ISBN 13: 9781557861160.
14. Jonathan Pincus. 2006. *Toàn cầu hóa và nghèo đói ở Châu Á*. UNDP.
15. Kerbo, Harold R. 2012. *Social Stratification and Inequality Class Conflict in Historical, Comparative and Global Perspective*. McGraw-Hill, 2012. ISBN: 1283393409.
16. Lê Hữu Nghĩa, Lê Ngọc Hùng. 2012. *Cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội trong điều kiện đổi mới ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
17. Lê Thanh Sang. 2011. *Biến đổi cơ cấu xã hội và phúc lợi cư dân Tây Nam Bộ*. Đề tài cấp bộ do Viện Khoa học xã hội vùng Nam bộ chủ trì. TPHCM.
18. Lê Văn Toàn. 2008. *Phân tầng xã hội ở nước ta qua điều tra mức sống hộ gia đình*. TPHCM: Nxb. Học viện Hành chính Quốc gia TPHCM.
19. Lê Văn Toàn. 2012. *Phân tầng xã hội ở Việt Nam trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
20. Minot, Nicholas, Đặng Kim Sơn và đồng nghiệp. 2003. *Đói nghèo và bất bình đẳng ở Việt Nam, các yếu tố về địa lý và không gian*. Báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Hà Nội.
21. Nguyễn Ngọc Toại. 2017. *Di động nghề nghiệp liên thế hệ ở Nam Bộ*. Báo cáo đề tài cơ sở Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.
22. Nguyễn Thu Sa. 2005. *Phân Tầng xã hội trong quá trình đô thị hóa mạnh ở TPHCM*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
23. Plewis, Ian, Mel Bartley. 2014. “Intra – Generational Social Mobility and Education Qualifications”. *Research in Social Stratification and Mobility* 36, pp. 1-11. <http://elsevier.com/locate/rssm>.
24. Song, Jing, Erin Cavusgil, Jianping Li, Ronghua Luo. 2015. “Social Stratification and

Mobility Among Chinese Middle Class Households: An Empirical Investigation”. *International Business Review*. <http://dx.doi.org/10.1016/j.ibusrev.2015.04.009>.

25. Trịnh Duy Luân, Bùi Thế Cường. 2001. “Phân tầng xã hội của nước ta hiện nay”. *Tạp chí Xã hội học*, số 2, tr. 3-11.

26. Trịnh Duy Luân. 1992. “Phân tầng xã hội theo mức sống tại thủ đô Hà Nội trong những năm thực hiện đổi mới”. *Tạp chí Xã hội học*, số 4, tr. 16-28.

27. Tương Lai. 1995. *Khảo sát xã hội học về phân tầng xã hội*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

28. Weeks, Matthew & Peter A. Leavitt. 2017. “Using Occupational Titles to Convey an Individual's Location in Social Stratification Dimensions”. *Basic and Applied Social Psychology*, 39:6, 342-357, DOI: 10.1080/01973533.2017.1366321.

29. Xiang Biao, Wei Shen. 2009. “International Student Migration and Social Stratification in China”. *International Journal of Educational Development*, 29 (2009): 513-522.